

Bản án số: 12/2024/DSPT

Ngày 24-4-2024

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Khắc Hoàng

Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Tùng; bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 02/2024/TLPT-DS ngày 24/01/2024 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*” do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐ-PT ngày 21/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐ-PT ngày 13/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐ-PT ngày 26/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐ-PT ngày 15/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Nhân T; sinh năm: 1982; địa chỉ: Số E, đường N, khối C, phường H, Thành phố V, Nghệ An (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Hà P, Văn phòng L2, đoàn Luật sư N. Địa chỉ: Tầng B, số C đường H, phường H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Quốc Â, sinh năm 1971 và bà Hoàng Thị T1, sinh năm 198; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt ông Lê Quốc Â, vắng mặt bà Hoàng Thị T1).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị C, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

2. Ông Lê Xuân K, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Chị Lê Thị Tố U, sinh năm 2003, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Anh Lê Nhật T2, sinh năm 2009, địa chỉ: Số nhà E, đường N, khối C, phường H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

5. Anh Lê Nhật T3, sinh năm 2013, địa chỉ: Số nhà E, đường N, khối C, phường H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

6. Ông Hoàng Minh Á, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

7. Bà Trần Thị O, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

- Người đại diện theo pháp luật của anh Lê Nhật T2 và anh Lê Nhật T3: Bà Đặng Thị Nhân T; sinh năm: 1982; địa chỉ: Số nhà E, đường N, khối C, phường H, Thành phố V, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt).

- Người giám hộ cho ông Hoàng Minh Á: Bà Trần Thị O, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Đặng Thị Nhân T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Bố mẹ chồng chị Đặng Thị Nhân T là cụ Lê Xuân B (tên thường gọi Lê B) và cụ Lưu Thị Khang s được 4 người con gồm: ông Lê Quốc Á, bà Lê Thị C, ông Lê Xuân K và chồng chị T là ông Lê Văn L. Quá trình sinh sống cụ B và cụ K1 tạo lập được 01 thửa đất số 917, tờ bản đồ số 2/299TTg, diện tích 901m², năm 2012 được đo đạc lại, tách làm 03 thửa là: thửa đất số 109, tờ bản đồ số 58, diện tích 339,9m²; thửa đất số 110, tờ bản đồ 58, diện tích 358m²; thửa đất số 116, tờ bản đồ số 58, diện tích 406,8m² tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là thửa 109, thửa 110, thửa 116). Thời điểm còn sống cụ B và cụ K1 chưa kịp tiến hành làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Cụ B chết năm 2008, cụ K1 chết năm 2011 và đều không để lại di chúc.

Năm 2011, vợ chồng ông Á bà T1 xây nhà ở riêng tại thửa đất đã tách số 110. Trước đó vợ chồng ông Á bà T1 ở chung với bố mẹ chồng chị T. Hiện trên thửa đất số 917 này vẫn còn ngôi nhà cấp 4 của bố mẹ chồng chị T để lại.

Năm 2013, ông Lê Quốc Á tự ý bán thửa đất đã tách số 116 cho vợ chồng ông Hoàng Minh Á và bà Trần Thị Kim O1. Sau đó ông Á bà O1 cũng đã xây dựng nhà 02 tầng trên đất và sử dụng sinh sống cho đến nay.

Năm 2005, chị T lấy chồng là ông Lê Văn L. Sau khi lấy nhau, do công việc của vợ chồng chị T ở xa nên vợ chồng chị T thuê nhà ra ở riêng tại thành phố V, tỉnh Nghệ An. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị T sinh được 02 người con chung là cháu Lê Nhật T2 (sinh năm 2009) và Lê Nhật T3 (sinh năm 2013), còn cháu Lê Thị Tố U (sinh năm 2003) là con riêng của chồng chị T. Năm 2020, chồng chị T ông Lê Văn L chết đột ngột và cũng không để lại di chúc.

Vì ông Lê Văn L chết sau cụ B và cụ K1 nên được thừa kế 01 phần di sản là thửa đất số 917 nói trên của bố mẹ. Sau khi chồng chết, chị T và các con được thừa kế phần di sản của chồng nên chị yêu cầu chia thừa kế để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người thừa kế di sản của bố mẹ chồng chị T để lại là thửa đất số 917.

Bị đơn ông Lê Quốc Á trình bày:

Cha mẹ đẻ ông Lê Quốc Á là ông Lê Xuân B và bà Lưu Thị K2 kết hôn với nhau và sinh được 04 người con gồm: ông Lê Quốc Á, bà Lê Thị C, ông Lê Xuân K và ông Lê Văn L. Quá trình sinh sống ông B và bà K2 tạo lập được 01 thửa đất số 917, tờ bản đồ số 2/299TTg, diện tích 901m². Thửa đất nói trên của ông B bà K2 từ trước đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2008 ông B chết, năm 2011 bà K2 chết. Ông B và bà K2 chết đều không để lại di chúc.

Bản thân ông Lê Quốc Á và anh chị em từ nhỏ đều sinh sống cùng cha mẹ. Năm 1991, ông nhập ngũ tham gia quân đội tại Lữ đoàn D. Đến năm 1994 xuất ngũ trở về địa phương và đi học nghề kim hoàn. Năm 2002, ông kết hôn với bà Hoàng Thị T1 và sinh sống cùng cha mẹ trong ngôi nhà trên thửa đất số 917, tờ bản đồ số 2/299TTg. Năm 1995, em gái Lê Thị C lấy chồng về sinh sống tại nhà chồng cùng thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Các em Lê Xuân K và Lê Văn L thì đi làm ăn ở xa. Cũng thời gian này cha mẹ đã già yếu nên thường xuyên ốm đau bệnh tật, ông B đi dân công hỏa tuyến bị thương nên vết thương thường xuyên tái phát, bà K2 thì bị bệnh suy tim nặng. Vợ chồng ông Á bà T1 ở chung cùng và chăm sóc phụng dưỡng ông B bà K2. Ngày 17/02/2008, ông Lê Xuân B chết, khi còn sống ông B dặn dò với bà K2: nếu ông B chết thì bà K2 ở với vợ chồng ông Á bà T1 và đất đai cho vợ chồng ông Á bà T1.

Đến ngày 01/03/2010 là ngày giỗ mãn tang của ông B. Thực hiện theo lời dặn của chồng, bà K2 tiến hành cùng các con lập biên bản họp gia đình. Trong nội dung biên bản họp gia đình, bà K2 và tất cả các con đề gồm: ông Lê Quốc Á, bà Lê Thị C, ông Lê Văn K3 và ông Lê Văn L; các con dâu gồm bà Đặng Thị Nhân T, bà Hoàng Thị T1, con rể có ông L1 chồng bà C; chủ tọa cuộc họp gồm có bà Đinh Thị T4 và người ghi biên bản là chị Lê Thị Mai H. Trong cuộc họp tất cả thành viên trong gia đình đều thống nhất: Đất không bán, bà K2 ở với vợ chồng ông Á bà T1, vợ chồng ông Á bà T1 có trách nhiệm phụng dưỡng chăm sóc bà K2. Thửa đất của ông B bà K2 để lại cho vợ chồng ông Á bà T1, tất cả đều ký xác nhận vào biên bản.

Sau khi có biên bản họp gia đình, vợ chồng ông Á bà T1 mới tôn tạo, nâng cấp lại mặt bằng của thửa đất. Khoảng tháng 05/2010, bà K2 bị bệnh nặng phải đi bệnh viện điều trị thường xuyên nên bà K2 thống nhất bán một phần thửa đất cho vợ chồng ông Hoàng Minh Á và bà Trần Thị O1 để có tiền trang trải viện phí đi điều trị. Đến đầu năm 2011, do ngôi nhà cũ của ông B bà K2 đã hư hỏng nặng không ở được nữa nên vợ chồng ông Á bà T1 xây dựng ngôi nhà mới trên thửa đất 917 và cùng bà K2 sinh sống trong ngôi nhà mới. Đến ngày 10/11/2011 bà K2 bệnh nặng mất. Năm 2012, có ban đo đạc của huyện và tỉnh về đo đạc lại đất tại địa phương nên ông Á nhờ ban đo đạc lại thửa đất và tách thành ba thửa đất như sau: thửa đất số 109, tờ bản đồ số 58, diện tích 339,9m²; thửa đất số 110, tờ bản đồ 58, diện tích 358m²; thửa đất số 116, tờ bản đồ số 58,

diện tích 406,8m² tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình sinh sống trên thửa đất vợ chồng ông đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng nộp thuế phí cho Nhà nước theo quy định. Ông A cũng đã nhiều lần liên hệ với cán bộ địa chính xã B để được hướng dẫn làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình nhưng cho đến nay vẫn chưa làm được.

Hiện nay, bà Đặng Thị Nhân T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ xem xét giải quyết chia di sản thừa kế phần của chồng chị T là ông Lê Văn L được hưởng từ bố mẹ chồng chị T cụ Lê Xuân B và cụ Lưu Thị K2 để lại tại thửa đất số 917, tờ bản đồ số 2/299TTg, diện tích 901m², nay được đo đạc lại, tách làm 03 thửa là: thửa đất số 109, tờ bản đồ số 58, diện tích 339,9m²; thửa đất số 110, tờ bản đồ 58, diện tích 358m²; thửa đất số 116, tờ bản đồ số 58, diện tích 406,8m² tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng ông A bà T1 không đồng ý chia thừa kế thửa đất này, lý do thửa đất đã được tất cả các thành viên trong gia đình họp và thống nhất cho ông A bà T1 vào ngày 01/3/2010.

Bà Hoàng Thị T1 hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông A.

Người có quyền lợi liên quan bà Lê Thị C, ông Lê Xuân K:

Về nguồn gốc thửa đất, việc chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ là ông B, bà K2; năm ông B chết là năm 2008, năm 2011 bà K2 chết và đều không để lại di chúc; nội dung cuộc họp gia đình ngày 01/3/2010 giống như trình bày của ông Lê Quốc A. Theo đó, ngày giỗ mãn tang của ông B (ngày 01/03/2010), bà K2 cùng tất cả các con để gồm: ông Lê Quốc A, bà Lê Thị C, ông Lê Xuân K và ông Lê Văn L; các con dâu gồm bà Đặng Thị Nhân T, bà Hoàng Thị T1, con rể có ông L1 chồng bà C tiến hành lập biên bản họp gia đình. Chủ tọa cuộc họp có bà Đinh Thị T4 và người ghi biên bản là chị Lê Thị Mai H. Trong cuộc họp, tất cả thành viên trong gia đình đều thống nhất: Đất không bán; bà K2 ở với vợ chồng A, T1, vợ chồng A, T1 có trách nhiệm phụng dưỡng chăm sóc bà K2, thửa đất của ông B bà K2 để lại cho vợ chồng A, T1, tất cả đều ký xác nhận vào biên bản. Việc tất cả các thành viên ký xác nhận vào biên bản họp gia đình là hoàn toàn tự nguyện. Riêng bà Đặng Thị Nhân T trong cuộc họp từ chối không nuôi dưỡng chăm sóc bà K2, bà T nói bà không ở trên thửa đất của bố mẹ chồng và cũng không chăm sóc mẹ chồng vì tiền không có.

Việc bà Đặng Thị Nhân T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ xem xét giải quyết chia di sản thừa kế phần của chồng chị T là ông Lê Văn L được hưởng từ bố mẹ chồng chị T là cụ Lê Xuân B và cụ Lưu Thị K2, bà C có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật, riêng đối với phần diện tích đất đã bán cho vợ chồng ông Hoàng Minh Á và bà Trần Thị O1 không tính trong phần chia thừa kế nữa, đối với phần thừa kế còn lại nếu được chia thừa kế, bà C xin nhận đúng phần quyền lợi của bà được hưởng theo quy định bằng hiện vật đất đai.

Còn ông Lê Xuân K, sau khi lớn lên đi làm ăn xa tại miền N và lập gia đình lấy vợ sinh con tại Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Ông Lê Quốc A chung sống cùng cha mẹ tại thửa đất hiện nay đang có tranh chấp chia thừa kế. Về nội dung các ý kiến đã ghi cụ thể trong biên bản, ông K có ý kiến “*Việc bán đất là không mong muốn, nhưng vì bệnh tật của mẹ nên phải bán bớt một nửa, điều kiện K ở xa nên nếu trong anh em, ai chấp nhận phụng dưỡng mẹ thì người đó được sử dụng để thuốc thang cho mẹ*”. Tất cả anh chị em đều ký vào biên bản

và việc ký vào biên bản họp gia đình là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, bản thân ông K cũng ký tự nguyện, do ý chí của ông K quyết định mà không bị ai ép buộc hay lừa dối. Do thời điểm lập biên bản họp gia đình thửa đất của ông B bà K2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không rõ cụ thể đặc điểm, vị trí của thửa đất như thế nào nên không ghi rõ chi tiết vào biên bản cuộc họp mà chỉ ghi chung chung.

Vào năm 2010, ông K đang đi lao động tại Hàn Quốc nên việc mẹ là bà K2 và ông Lê Quốc Á bán một phần thửa đất cho vợ chồng ông Hoàng Minh Á và bà Trần Thị O1 ông không biết. Sau này về quê, ông K mới biết việc bán đất để là lấy tiền chữa bệnh cho bà K2.

Hiện nay, bà Đặng Thị Nhân T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ xem xét giải quyết chia di sản thừa kế phần của chồng chị T là ông Lê Văn L được hưởng từ bố mẹ chồng chị T là cụ Lê Xuân B và cụ Lưu Thị Khang . Ông Lê Xuân K có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật, riêng đối với phần diện tích đất đã bán cho vợ chồng ông Hoàng Minh Á và bà Trần Thị O1 không tính trong phần chia thừa kế nữa, đối với phần thừa kế còn lại nếu được chia ông K xin nhận đúng phần quyền lợi của ông được hưởng theo quy định bằng hiện vật đất đai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Tố U trình bày: Chị là con của ông Lê Văn L với người vợ thứ nhất và là cháu nội của ông B và bà K2. Năm 2005, ông Lê Văn L kết hôn với người vợ thứ hai là bà Đặng Thị Nhân T và sinh được hai người con: Lê Nhật T2, sinh năm 2009 và Lê Nhật T3, sinh năm 2013. Năm 2020, ông Lê Văn L chết do đột tử. Thửa đất hiện nay đang tranh chấp chia thừa kế chị U chỉ biết nguồn gốc thửa đất là của ông bà nội để lại, chị U có nghe nói là gia đình đã lập biên bản họp để phân chia thửa đất, nhưng vì không được tham gia nên cụ thể như thế nào chị không biết.

Sau khi mẹ đẻ mất chị Lê Thị Tố U chung sống cùng ông bà nội và hai bác Á, T1, vì cha đẻ đã đi lấy vợ khác. Đến tuổi trưởng thành thì chị U lấy chồng và sinh con, sinh sống cùng nhà chồng tại thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện nay, bà Đặng Thị Nhân T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ xem xét giải quyết chia di sản thừa kế phần của chồng chị T là ông Lê Văn L được hưởng từ bố mẹ chồng chị T là cụ Lê Xuân B và cụ Lưu Thị Khang . Chị Lê Thị Tố U có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết đúng theo quy định của pháp luật, đối với phần thừa kế nếu được Tòa chia thì chị xin nhận đúng phần quyền lợi mà chị được hưởng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Nhật T3 và anh Lê Nhật T2 trình bày tại bản tự khai:

Anh Lê Nhật T2, sinh năm 2009 và anh Lê Nhật T3, sinh năm 2013 đều là con đẻ của bà Đặng Thị Nhân T và ông Lê Văn L. Ông Lê Xuân B và bà Lưu Thị K2 là ông bà nội của anh T2 và anh T3. Hiện nay, bà Đặng Thị Nhân T là nguyên đơn trong vụ án, đồng thời là đại diện theo pháp luật của anh T2 và anh T3. Mọi nội dung khởi kiện của vụ án đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp anh T2 và anh T3 được Tòa án chia cho hưởng 01 phần di sản thừa kế do ông bà nội là cụ Lê Xuân B và cụ Lưu Thị K2 để lại thì anh T2 và anh T3 xin nhường toàn bộ phần quyền lợi của mình theo quy định pháp luật cho mẹ đẻ là bà Đặng Thị Nhân T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Minh Á trình bày:

Gia đình ông Hoàng Minh Á và vợ bà Trần Thị O1 có mối quan hệ anh em họ hàng với ông Lê Xuân B và bà Lưu Thị Khang . Ông Lê Xuân B là cậu ruột của ông Á. Năm 2010, do bị bệnh nặng nên bà K2 và ông Lê Quốc Á đã bán cho vợ chồng ông Á bà O1 một phần trong thửa đất của ông B bà K2 tại thửa đất số 917, tờ bản đồ số 2/299TTg, diện tích 901m² tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng ông Á bà O1 mua một phần thửa đất với giá 150.000.000 đồng. Do là anh em họ hàng với nhau nên khi trao đổi mua bán đất không lập văn bản giấy tờ gì, khi mua vợ chồng ông biết thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai bên trao đổi với nhau sau khi mua bán xong sẽ liên hệ làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến tháng 8 năm 2012, vợ chồng ông xây dựng ngôi nhà và các công trình phụ trợ trên thửa đất đã mua. Cũng trong năm 2012, ông Lê Quốc Á nhờ ban đo đạc của huyện về đo đạc lại thửa đất tách làm 03 thửa là: thửa đất số 109, tờ bản đồ số 58, diện tích 339,9m²; thửa đất số 110, tờ bản đồ 58, diện tích 358m²; thửa đất số 116, tờ bản đồ số 58, diện tích 406,8m² tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất vợ chồng ông mua của bà K2 và đang sinh sống, xây dựng nhà theo kết quả đo đạc 2012 là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 58, có diện tích 406,8m². Từ đó đến nay không xảy ra tranh chấp gì và ông Á bà O1 cũng thúc dục ông Lê Quốc Á làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Á bà O1 nhưng không hiệu tại sao vẫn chưa làm được.

Hiện nay, việc bà Đặng Thị Nhân T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia di sản thừa kế phần của chồng chị được hưởng từ bố mẹ chồng chị T là cụ Lê Xuân B và cụ Lưu Thị Khang . Vợ chồng ông Hoàng Minh Á và bà Trần Thị O1 có ý kiến mong muốn ông Lê Quốc Á và các anh chị em làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông. Hiện nay, chị T chồng đã mất phải vất vả nuôi con một mình nên mong muốn anh Lê Quốc Á nghĩ tình cảm anh em sang nhượng cho chị T một phần thửa đất số 917; Trường hợp mà ông Á phải trả lại tiền mua đất cho ông thì ông yêu cầu ông Lê Quốc Á trả lại giá trị thửa đất và các tài sản gắn liền trên đất theo giá tại thời điểm hiện nay. Bà Trần Thị O1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà cũng hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông Hoàng Minh Á.

Người làm chứng bà Đinh Thị T4 và chị Lê Thị Mai H trình bày trong các bản tự khai như sau: Bà T4 và gia đình ông B bà K2 có mối quan hệ anh em họ hàng với nhau (bà K2 là chị của chồng bà T4). Chị Lê Thị Mai H là con đẻ của bà T4. Ngày 01/03/2010 giỗ mỗ tang của ông B, gia đình bà K2 mời gia đình bà T4 về quê cúng giỗ. Sau khi giỗ xong, bà K2 cùng các con trong gia đình tiến hành họp gia đình và nhờ bà T4 làm chủ tọa, chị H làm thư ký ghi biên bản cuộc họp gia đình. Trong buổi họp đó, có bà K2 và các con trai, con gái, con dâu, con rể. Tất cả những người tham gia trong buổi họp đều có ý kiến, được ghi trong biên bản họp gia đình và ký xác nhận trên sự tự nguyện, không ai bị ép buộc. Trong buổi họp gia đình có anh Lê Văn L và chị Đặng Thị Nhân T, anh L và chị T đều thống nhất với ý kiến trong biên bản kèm theo và đã ký xác nhận vào biên bản họp gia đình. Với tư cách người làm chứng trong sự việc tranh chấp thừa kế bà Đinh Thị T4 và chị Lê Thị Mai H trình bày những gì bà T4 và

chị H biết, ngoài ra bà T4 chị H không có ý kiến gì mà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Nguyễn Thanh B1 trình bày:

Ông Nguyễn Thanh B1 làm Thôn trưởng – Ban mặt trận thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh từ năm 2005 đến năm 2014. Hôm giỗ mãn tang của ông B, gia đình bà K2 mời ông B1 sang nhà cúng giỗ và ông có tham dự. Sau khi giỗ xong, do ông B1 làm cán bộ thôn xóm nên bà Lưu Thị K2 và các con mời ông B1 ở lại chứng kiến sự việc như sau: Bà K2 nói hiện nay sức khỏe bà đã già yếu, nên bà muốn cùng các con họp để phân chia đất đai. Tại cuộc họp đó, ông B1 có nghe bà K2 nói về việc ai chăm sóc và nuôi dưỡng bà thì để lại đất cho người đó. Sau đó, bà K2 và tất cả các con của bà K2 nhất trí để ông A chăm sóc, nuôi dưỡng và để lại thừa đất cho ông A. Do ngày 01/3/2010 gia đình bà K2 và các con đang thống nhất để lập biên bản nên ông B1 về nhà trước. Ông B1 đã nghe rõ ý kiến của mọi người và sang ngày 02/3/2010 ông Lê Quốc A mới đem biên bản sang nhờ ông B1 ký xác nhận. Sau khi đọc biên bản ông B1 thấy đúng như nội dung bà K2 và các con đã thống nhất nên ông đã ký xác nhận vào biên bản. Với tư cách người làm chứng trong sự việc tranh chấp thừa kế ông B1 trình bày những gì ông biết, ngoài ra ông không có ý kiến gì mà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 165, khoản 3 Điều 45, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 24/2018/AL; Điều 219, Điều 223, Điều 226; Khoản 1 Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự 2005; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ tranh chấp: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Nhân T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế phần của chồng bà ông Lê Văn L được hưởng từ bố mẹ chồng là cụ Lê Xuân B và cụ Lưu Thị K2 để lại tại thửa đất số 917, tờ bản đồ số 2/299TTg, diện tích 901m², năm 2012 được đo đạc lại, tách làm 03 thửa là: thửa đất số 109, tờ bản đồ số 58, diện tích 339,9m²; thửa đất số 110, tờ bản đồ 58, diện tích 358m²; thửa đất số 116, tờ bản đồ số 58, diện tích 406,8m² tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Nhân T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Số tiền này người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Nhân T là bà Hoàng Thị Hà P đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013167 ngày 06/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Số tiền còn lại hoàn trả cho bà Đặng Thị Nhân T là: 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc bà Đặng Thị Nhân T phải nộp số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là: 13.558.000 đồng (Mười ba

triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng), số tiền này bà Đặng Thị Nhân T đã nộp đầy đủ, có hợp đồng hóa đơn chứng từ lưu tại hồ sơ vụ án.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/12/2023, nguyên đơn bà Đặng Thị Nhân T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Trong đơn kháng cáo, người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn vì Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 24/2018/AL để giải quyết vụ án là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015 không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện về yêu cầu chia di sản thừa kế phần của chồng bà là ông Lê Văn L được hưởng từ bố mẹ chồng đối với thửa đất số 917, tờ bản đồ số 2/299TTg, diện tích 901m². Thửa đất được đo lại vào năm 2012 và tách làm 03 thửa là: thửa đất số 109, tờ bản đồ số 58, diện tích 339,9m²; thửa đất số 110, tờ bản đồ 58, diện tích 358m²; thửa đất số 116, tờ bản đồ số 58, diện tích 406,8m² tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; Bị đơn ông Lê Quốc Á và bà Hoàng Thị T1 có nơi cư trú tại thôn T, xã B, huyện Đ tỉnh Hà Tĩnh. Vì vậy, Tòa án nhân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người có quyền lợi liên quan trong vụ án, trong quá trình giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vụ án là đúng theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định của pháp luật

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế: Ông Lê Xuân B chết ngày 17/02/2008, bà Lưu Thị K2 chết ngày 10/11/2011. Căn cứ khoản 1 Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Do đó, thời điểm mở thừa kế đối với tài sản thừa kế của ông Lê Xuân B là ngày 17/02/2008, thời điểm mở thừa kế đối với tài sản thừa kế của bà Lưu Thị K2 là ngày 10/11/2011.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Ngày 17/02/2008, ông Lê Xuân B chết, ngày 10/11/2011 bà Lưu Thị K2 chết. Vì vậy thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Lê Xuân B, bà Lưu Thị K2 vẫn còn hiệu lực. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 BLDS 2015; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thời hiệu thừa kế để thụ lý, giải quyết vụ án dân sự "Tranh chấp về thừa kế tài sản" là đúng.

[2.3] Về hàng thừa kế: Ông Lê Xuân B, bà Lưu Thị K2 có 04 người con đẻ là ông Lê Quốc A, sinh năm 1971, bà Lê Thị C sinh năm 1973, ông Lê Xuân K sinh năm 1975, ông Lê Văn L sinh năm 1979 (chết ngày 29/3/2020), ngoài ra không có người con nào khác.

Ngày 17/02/2008, ông Lê Xuân B chết không để lại di chúc, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất của ông B bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ của ông Lê Xuân B (ông Lê T5 và bà Nguyễn Thị Q); vợ ông Lê Xuân B là bà Lưu Thị K2; các con của ông Lê Xuân B là ông Lê Quốc A, bà Lê Thị C, ông Lê Xuân K, ông Lê Văn L.

Ngày 10/11/2011, bà Lưu Thị K2 chết không để lại di chúc, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 676 BLDS năm 2005, hàng thừa kế thứ nhất của bà K2 bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ của bà Lưu Thị K2; các con của bà Lưu Thị K2 là ông Lê Quốc A, bà Lê Thị C, ông Lê Xuân K, ông Lê Văn L.

[2.4] Về di sản thừa kế: Ông Lê Xuân B, bà Lưu Thị K2 khi còn sống có tạo lập được khối tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 917, bản đồ 299/TTg diện tích 901m² mang tên ông Lê B, thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận ngoài ra ông bà Lê Xuân B, Lưu Thị K2 không có tài sản nào khác. Ngày 17/02/2008, ông Lê Xuân B chết không để lại di chúc, do đó, di sản thừa kế mà ông Lê Xuân B để lại là ½ thửa đất số 917, bản đồ 299/TTg, có diện tích 901m².

[2.5] Tại biên bản họp gia đình ngày 01/3/2010, cả bà K2 và các con đều thống nhất nội dung: “Bác Ân T6 nhận trách nhiệm chính phụng dưỡng mẹ, đất đai bác A có quyền quyết định”; biên bản không ai có ý kiến gì và đều thống nhất thực hiện việc phân chia này. Như vậy, sau khi ông Lê Xuân B chết không để lại di chúc thì các đồng thừa kế gồm bà Lưu Thị K2 cùng 04 người con là ông A, bà C, ông K ông L được xác định là chủ sở hữu đối với di sản do ông Lê Xuân B để lại tại thửa đất thửa đất số 917, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299, diện tích 901m² đất tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Do ông Lê Xuân B chết

không để lại di chúc nên họ có quyền định đoạt đối với tài sản là di sản do ông B để lại nói trên theo quy định tại Điều 219; khoản 2 Điều 223 BLDS năm 2005. Căn cứ vào biên bản họp gia đình ngày 01/3/2010 thì bà Lưu Thị K2 cùng các con là ông Lê Quốc Á, bà Lê Thị C, ông Lê Xuân K, ông Lê Văn L đã thống nhất giao toàn bộ thửa đất 917, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299, diện tích 901m² đất tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh cho ông Lê Quốc Á, ông Lê Quốc Á có quyền quyết định đối với thửa đất đó. Việc thoả thuận của bà Lưu Thị K2 cùng các con gồm ông Lê Quốc Á, bà Lê Thị C, ông Lê Xuân K, ông Lê Văn L là tự nguyện và đảm bảo quy định pháp luật.

Sau khi được giao toàn bộ thửa đất, ông Lê Quốc Á và vợ là bà Hoàng Thị T1 đã xây nhà để ở trên thửa đất và không xảy ra tranh chấp. Năm 2010, do bà K2 bị bệnh nặng và cần tiền để điều trị nên ông Lê Quốc Á và bà Lưu Thị K2 đã bán một phần thửa đất cho ông Á, bà O1 (Việc bán đất để lấy tiền điều trị cho bà K2 ốm đau cũng đã được bà K2 cùng tất cả các con thống nhất trong biên bản họp gia đình ngày 01/3/2010). Thửa đất đã bán được thể hiện trên bản đồ địa chính năm 2012 là thửa số 116, tờ bản đồ số 58, có diện tích 406,8m² tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Việc mua bán này, bà Lê Thị C, ông Lê Xuân K, ông Lê Văn L đều biết nhưng không tranh chấp, không có ý kiến gì và số tiền bán đất được ông Lê Quốc Á sử dụng để chăm sóc, điều trị cho bà K2 trong thời gian ốm đau bệnh tật. Đối với phần đất còn lại, ông Lê Quốc Á đã kê khai và được chia làm 02 thửa thể hiện trên bản đồ địa chính năm 2012 là thửa số 109, tờ bản đồ số 58, diện tích 339,9m² mang tên bà Lưu Thị K2; thửa đất số 110, tờ bản đồ số 58, diện tích 358m² mang tên ông Lê Quốc Á.

Đối với thửa đất số 109, tờ bản đồ số 58, diện tích 339,9m² mang tên bà Lưu Thị K2 thể hiện trên bản đồ địa chính năm 2012 là do ông Lê Quốc Á tiến hành kê khai để đo đạc sau khi bà K2 chết, nhằm mục đích đo đạc lại và tách thửa theo hiện trạng đang có nhà ở trên thửa đất để thuận tiện cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn trên thực tế thửa đất này vẫn là của ông Lê Quốc Á. Căn cứ vào biên bản họp gia đình ngày 01/3/2010 đã được bà Lưu Thị K2 cùng bà các con thoả thuận giao lại cho ông Lê Quốc Á quản lý, sử dụng và từ đó đến nay không xảy ra tranh chấp. Hơn nữa bà Lưu Thị K2 đã chết trước khi có việc đo đạc và theo quy định của pháp luật thì kết quả đo đạc cũng không phải là căn cứ, cơ sở để xác định là đất của bà. Vì vậy, có căn cứ xác định thửa đất đứng tên bà Lưu Thị K2 nhưng thực tế vẫn là đất của ông Lê Quốc Á.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở để xác định tài sản là thửa đất số 917, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299, diện tích 901m² (trong đó có ½ thửa đất là di sản thừa kế do ông B để lại và ½ thửa đất là tài sản của Bà K2) tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã được bà Lưu Thị K2 cùng các con thoả thuận cho ông Lê Quốc Á quản lý, sử dụng. Việc thoả thuận trên là tự nguyện và đảm bảo quy định tại Điều 219, 223 Bộ luật dân sự năm 2005. Ông Lê Quốc Á đã sinh sống ổn định, làm nhà ở từ thời điểm đó cho đến nay không xảy ra tranh chấp .

- Xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Đặng Thị Nhân T:

Hội đồng xét xử thấy, thừa đất hiện nay bà Đặng Thị Nhân T yêu cầu chia thừa kế vào ngày 01/3/2010 đã được gia đình bà Lưu Thị K2 tiến hành họp gia đình để thỏa thuận phân chia. Mục đích cuộc họp gia đình là để thỏa thuận việc chăm sóc bà Lưu Thị K2 và phân chia tài sản là thừa đất số 917, bản đồ 299/TTg, có diện tích 910m². Tại biên bản họp gia đình, do bố mẹ đẻ của ông Lê Xuân B là ông Lê T5 đã mất năm 1991 và bà Nguyễn Thị Q đã mất năm 1996 vì vậy căn cứ Điều 635 Bộ luật dân sự 2005 ông Lê T5 và bà Nguyễn Thị Q không phải là người thừa kế của ông Lê Xuân B. Về thành phần phiên họp là đảm bảo theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005. Về nội dung thỏa thuận được lập ngày 01/3/2010, những người thừa kế của ông Lê Xuân B là bà Lưu Thị K2 cùng các con. Sau khi ông B chết, bà K2 và các con đều được hưởng phần tài sản là di sản của ông Lê Xuân B để lại trong khối tài sản chung, nên được xem là chủ sở hữu đối với phần tài sản đó tại thừa đất số 917, bản đồ 299/TTg, có diện tích 910m². Tại cuộc họp, tất cả các đồngthừa kế đều thống nhất việc giao thừa đất nói trên cho vợ chồng ông Lê Quốc Á, bà Hoàng Thị T1 quản lý, sử dụng cũng như giao trách nhiệm cho ông Á bà T1 có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng mẹ là bà Lưu Thị Khang . Việc thỏa thuận được các đương sự, người làm chứng thừa nhận là tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được lập thành văn bản, những người thừa kế thống nhất cùng ký tên vào văn bản là đảm bảo quy định tại Điều 223 Bộ luật dân sự năm 2005 về định đoạt tài sản chung. Vì vậy, có căn cứ xác định những người thừa kế đã thống nhất cách thức phân chia tài sản chung là giao toàn bộ tài sản chung cho vợ chồng ông Lê Quốc Á, bà Hoàng Thị T1 nên thừa đất này không còn là di sản thừa kế.

Vì vậy căn cứ theo các quy định của pháp luật và tinh thần án lệ số 24/2018/AL về di sản thừa kế chuyển thành tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét phúc thẩm nhận thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng các căn cứ nêu trên để giải quyết vụ án là có cơ sở.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì mới để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó việc nguyên đơn kháng cáo: yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị Nhân T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số

05/2023/DS-ST ngày 06/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 165, khoản 3 Điều 45, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 24/2018/AL; Điều 219, Điều 223, Điều 226; Khoản 1 Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự 2005; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. *Về quan hệ tranh chấp*: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đặng Thị Nhân T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế phần của chồng bà ông Lê Văn L được hưởng từ bố mẹ chồng là cụ Lê Xuân B và cụ Lưu Thị K2 để lại tại thửa đất số 917, tờ bản đồ số 2/299TTg, diện tích 901m² tại thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Về chi phí thẩm định, định giá tài sản*: Buộc bà Đặng Thị Nhân T phải nộp số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 13.558.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng), số tiền này bà Đặng Thị Nhân T đã nộp đầy đủ, có hợp đồng, hóa đơn, chứng từ lưu tại hồ sơ vụ án.

3. *Về án phí*:

3.1. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Đặng Thị Nhân T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Số tiền này người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Nhân T là bà Hoàng Thị Hà P đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013167 ngày 06/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Số tiền còn lại hoàn trả cho bà Đặng Thị Nhân T là: 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

3.2. *Án phí phúc thẩm*: Bà Đặng Thị Nhân T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà đã nộp theo các biên lai thu tiền số 00013257 ngày 26/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Đức Thọ;
- Chi cục huyện Đức Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HSPA, Toà DS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Khắc Hoàng